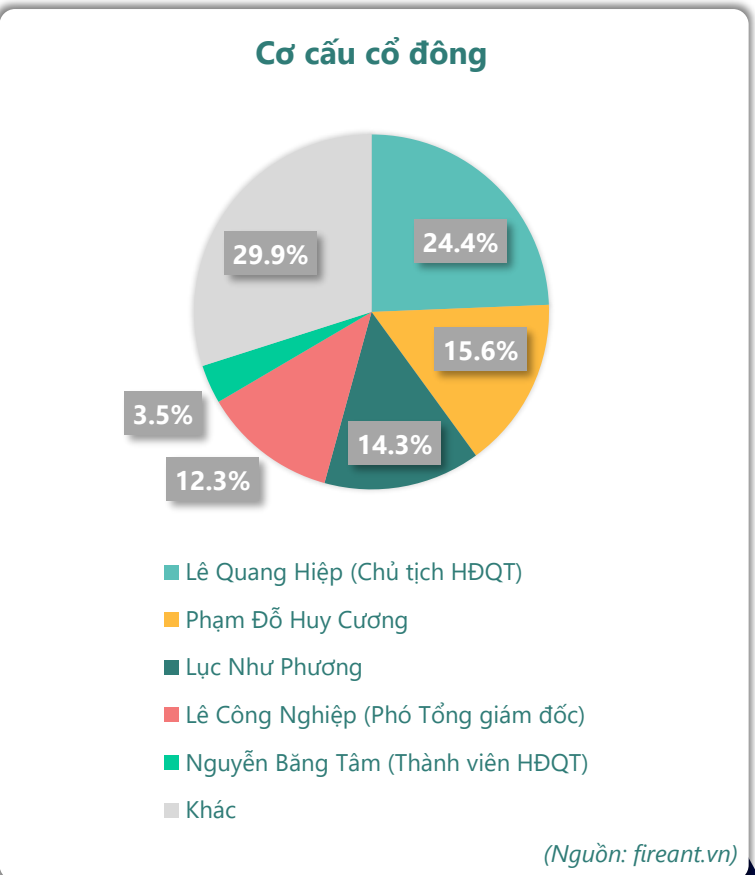
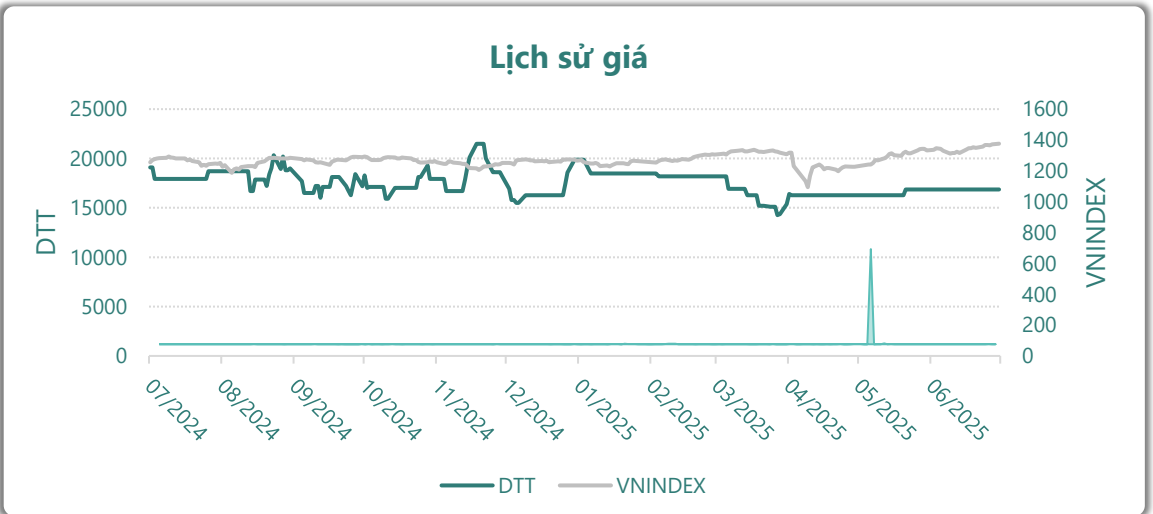
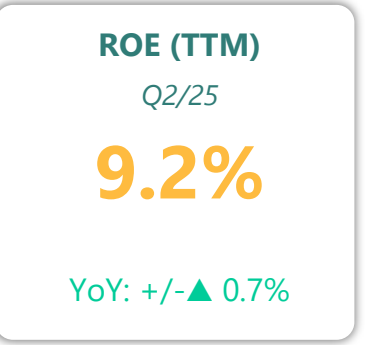
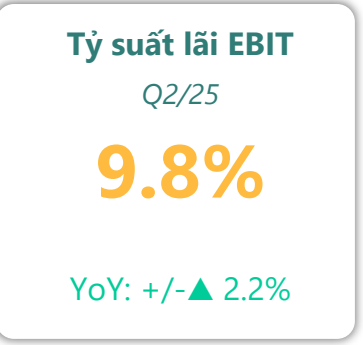
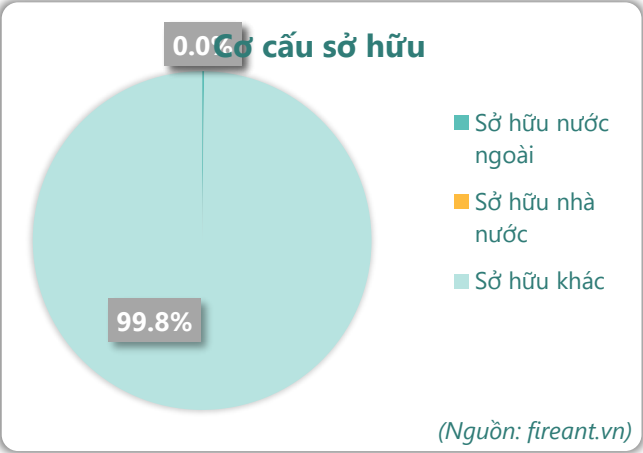


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

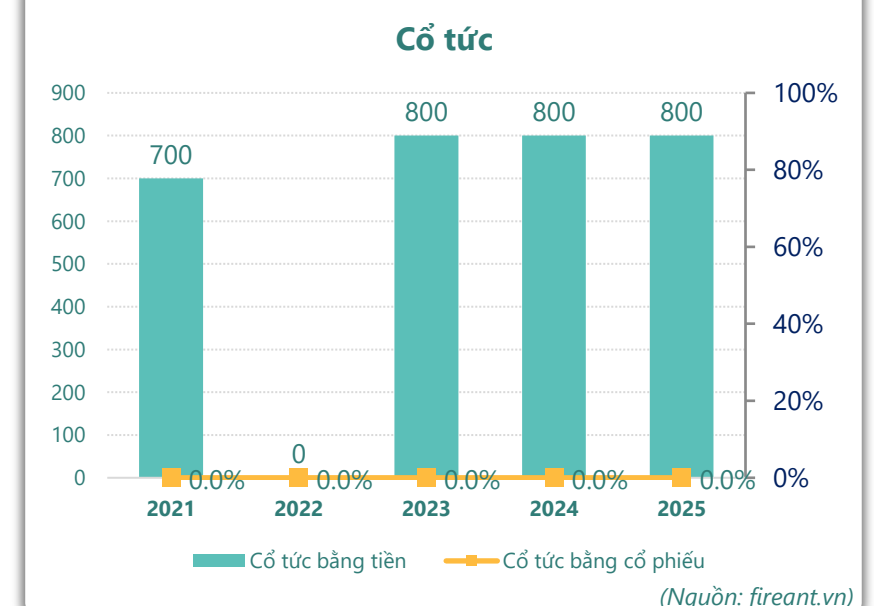
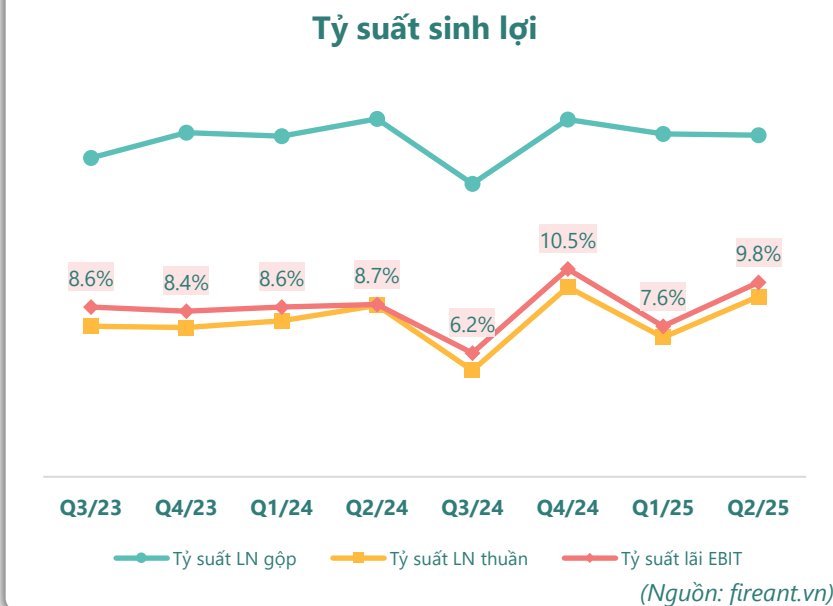
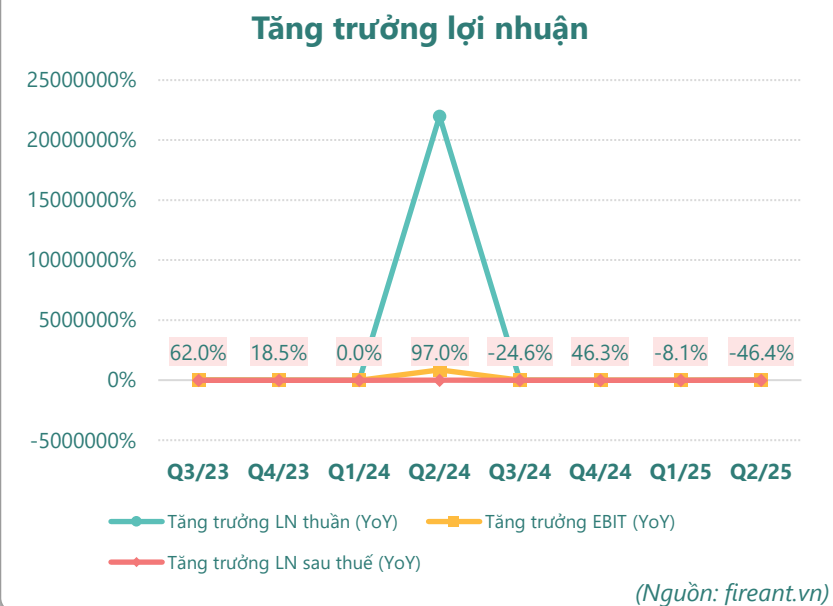
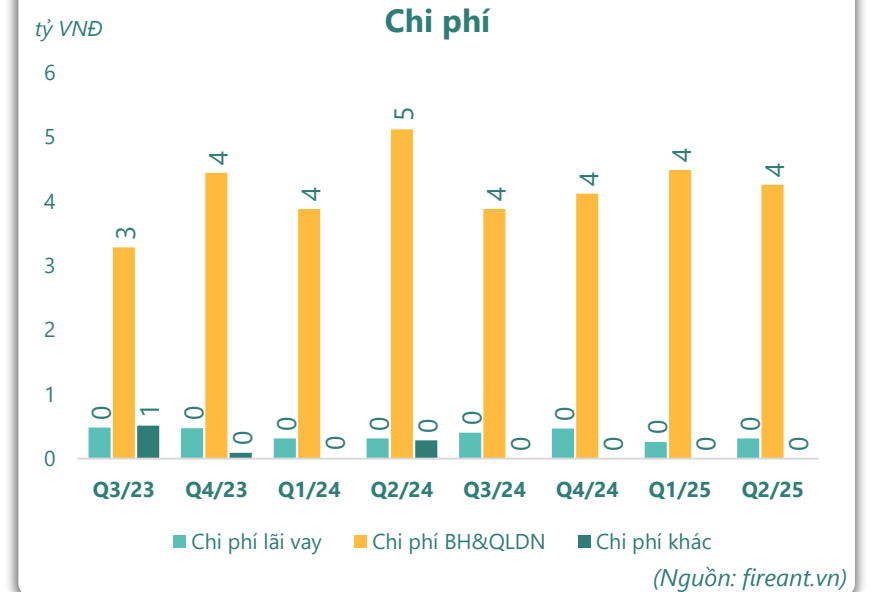
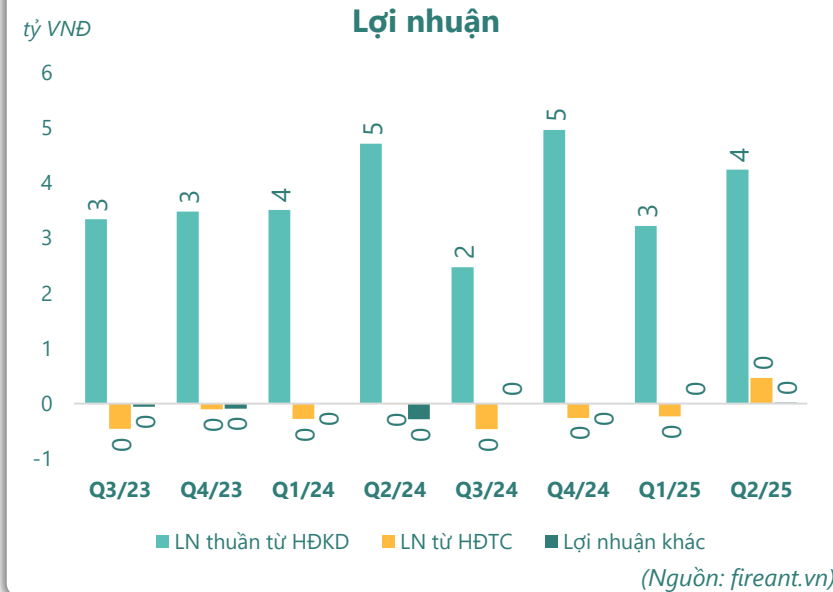
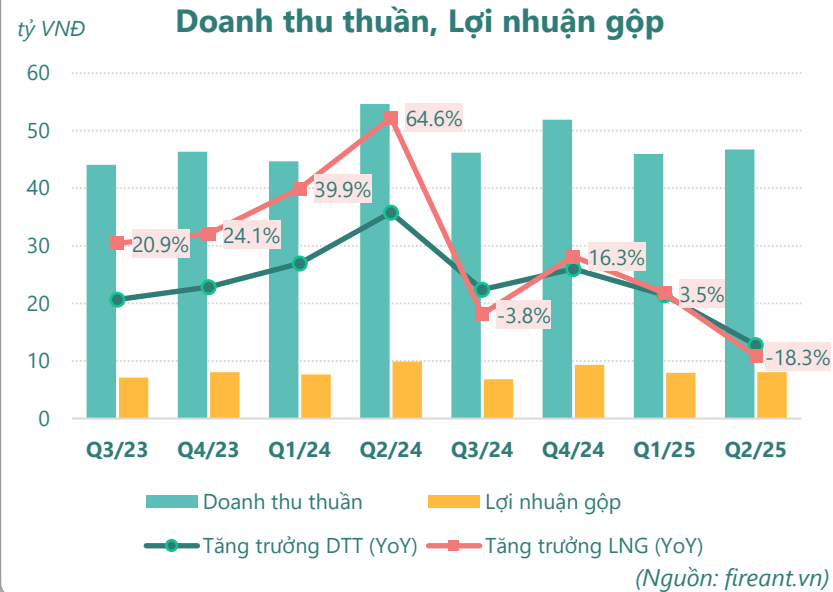
CTCP Kỹ nghệ Đô Thành

Ngày 30/06/2025	17,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.5%	14.6%	8.2%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	14,263 - 21,490
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	8,151,820
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.01
EPS	1,466
P/E	12.0



KẾT QUẢ KINH DOANH

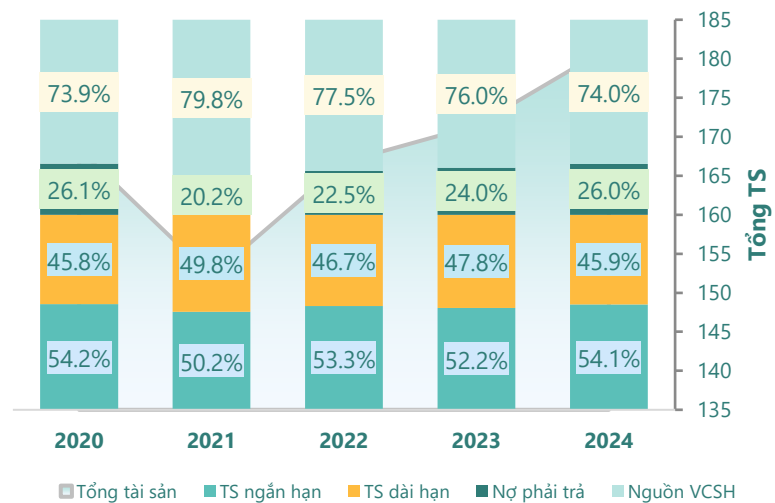




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

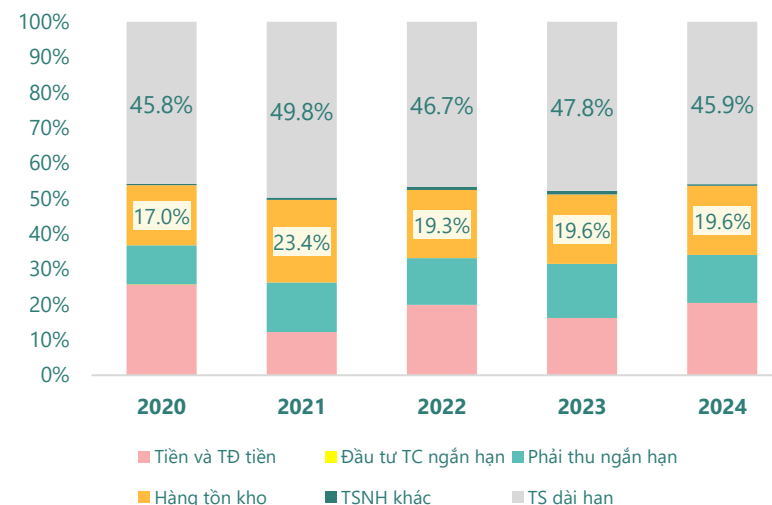
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

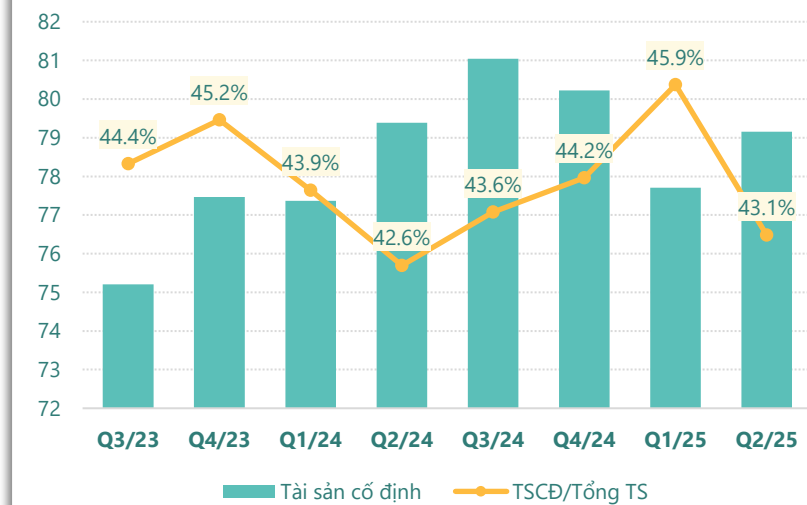
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

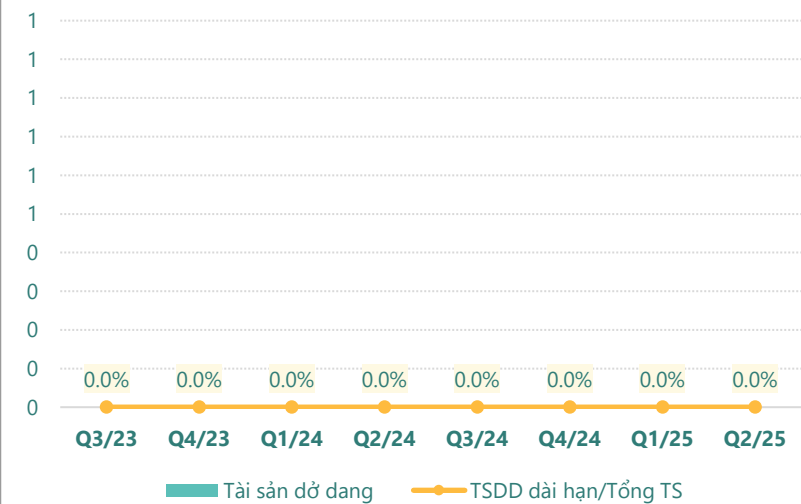
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

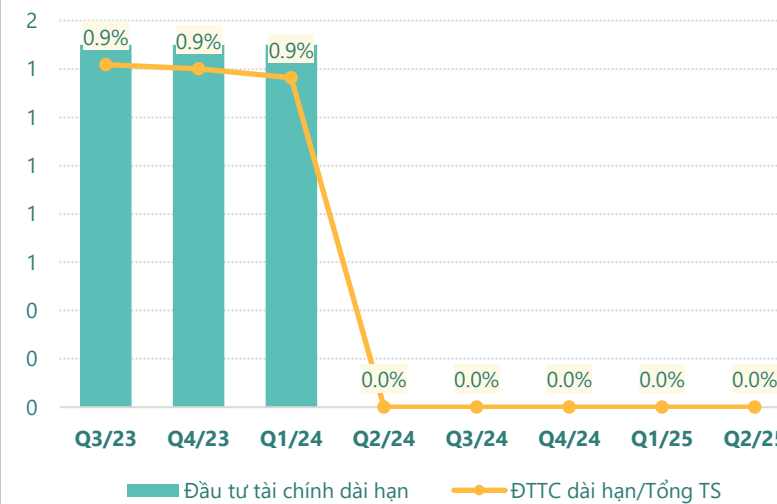
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

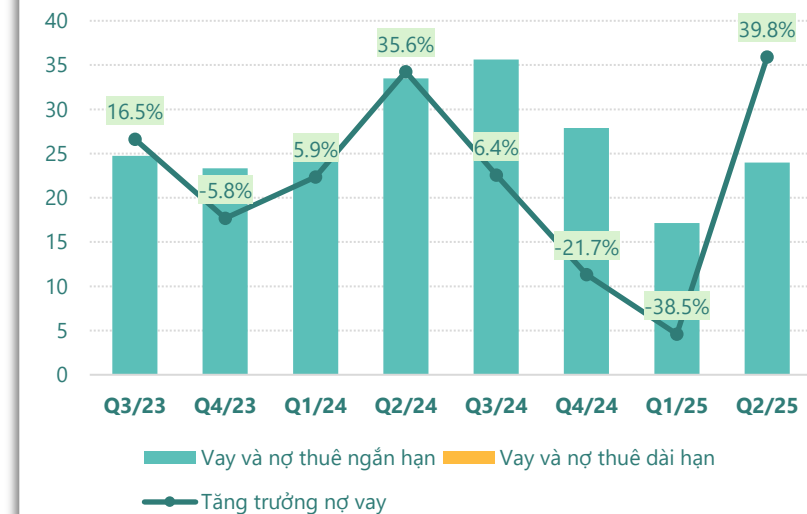
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

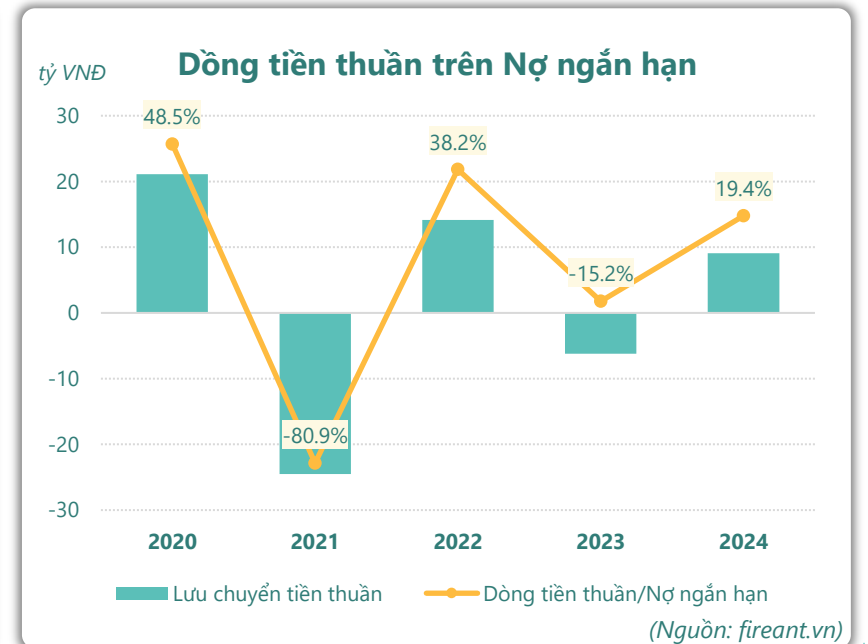
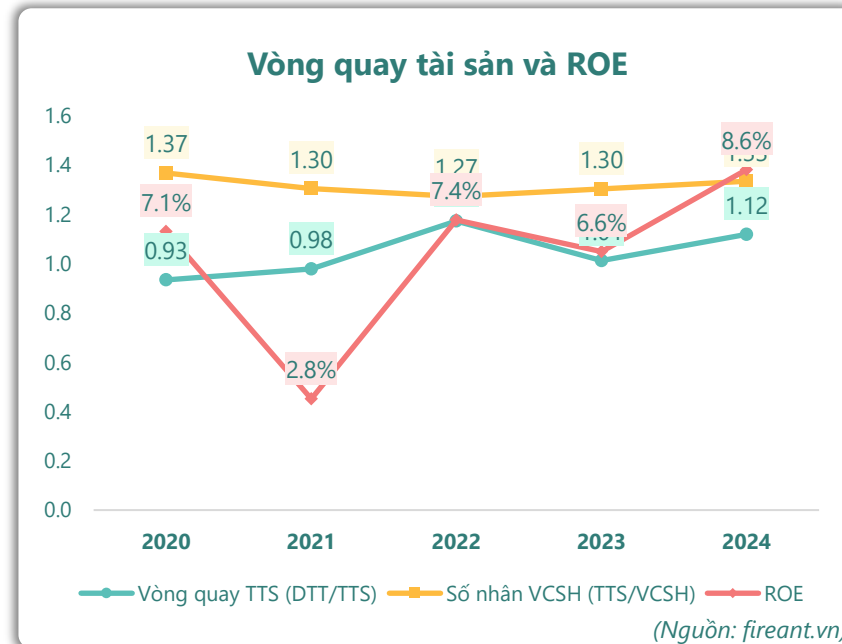
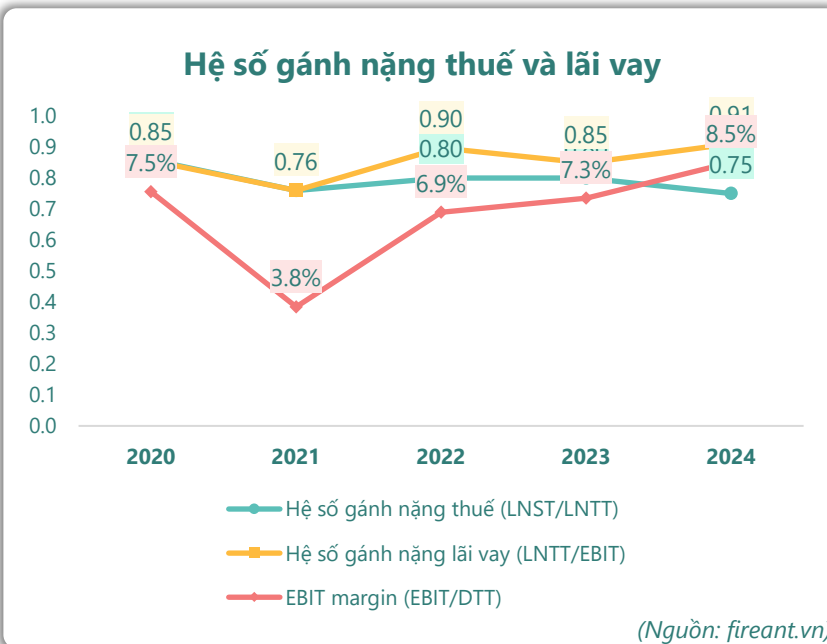
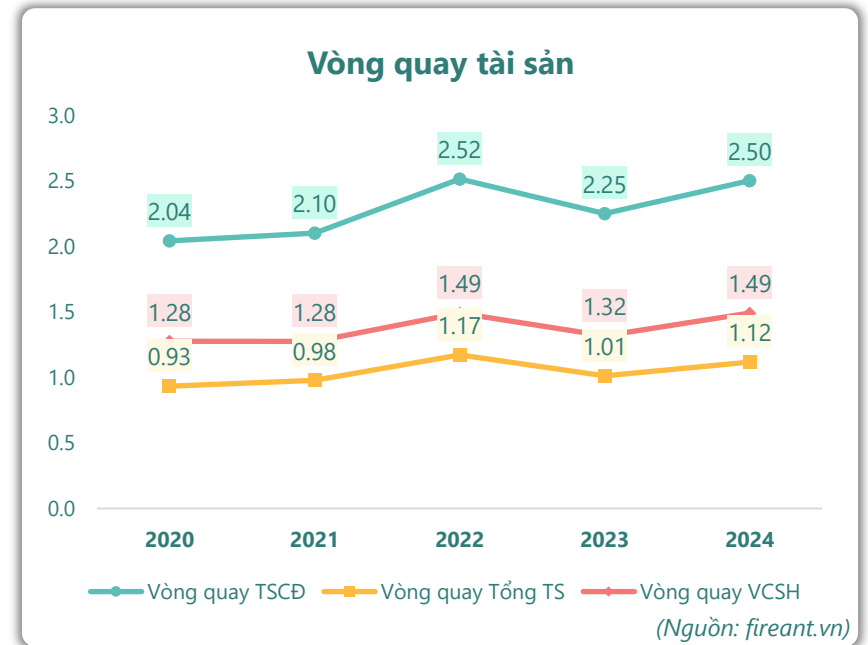
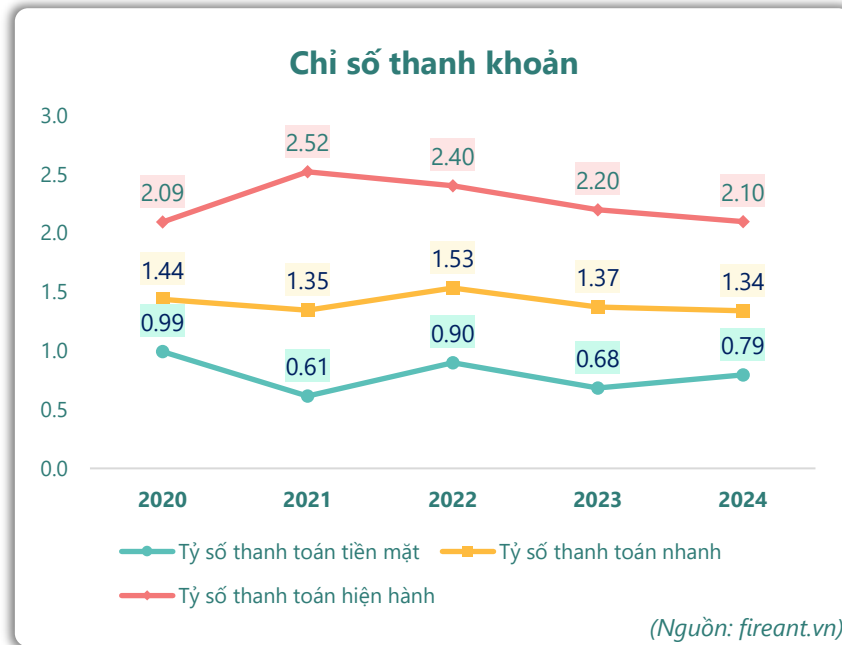
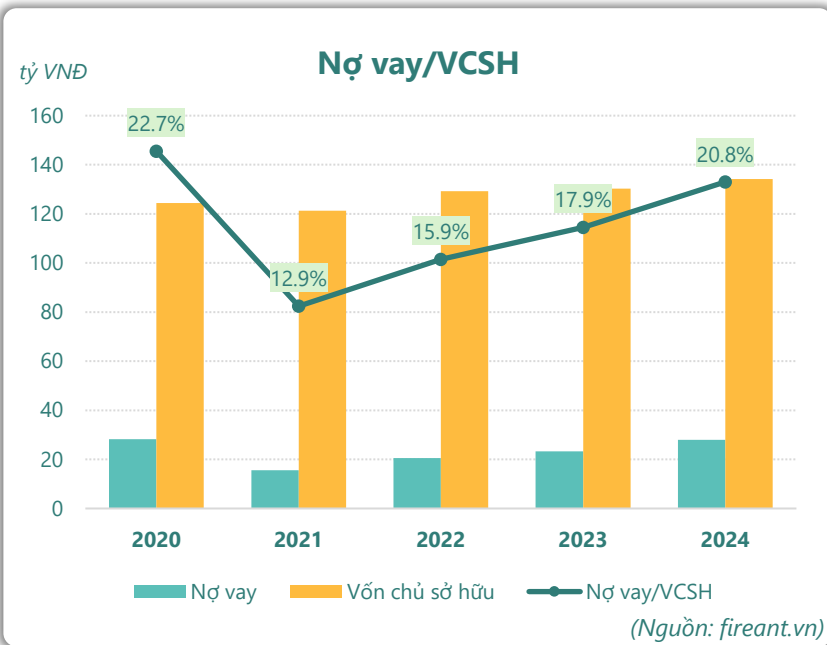
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	46.7	54.6	-14.4%	92.7	99.3	-6.7%
Giá vốn hàng bán	38.7	44.8	-13.7%	76.7	81.8	-6.2%
Lợi nhuận gộp	8.05	9.86	-18.4%	16.0	17.5	-8.8%
Doanh thu HĐTC	0.78	0.92	-15.5%	0.83	0.96	-13.4%
Chi phí TC	0.31	0.93	-66.4%	0.59	1.25	-52.5%
Chi phí lãi vay	0.31	0.31	0.8%	0.57	0.63	-8.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.63	2.86	-8.0%	5.12	5.21	-1.6%
Chi phí QLDN	1.63	2.26	-27.7%	3.64	3.80	-4.4%
LN thuần từ HĐKD	4.25	4.72	-10.0%	7.47	8.23	-9.2%
Lợi nhuận khác	0.02	-0.28	106%	0.02	-0.29	106%
LN trước thuế	4.26	4.43	-3.7%	7.49	7.95	-5.7%
Lợi nhuận sau thuế	3.41	2.84	20.1%	5.99	5.65	6.0%
LNST của CĐ cty mẹ	3.41	2.84	20.1%	5.99	5.65	6.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.92	-6.14	7.92	16.6	3.42	-1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.21	-3.56	-4.18	-1.71	0.05	-4.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.37	8.80	-4.05	-7.74	-10.7	6.82
Tiền đầu kỳ	27.8	29.9	30.1	29.7	37.1	29.8
Lưu chuyển tiền thuần	2.08	-0.89	-0.31	7.20	-7.27	0.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.05	0	0.16	0	0.69
Tiền cuối kỳ	29.9	30.1	29.7	37.1	29.8	31.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	184	181	1.1%
Tài sản ngắn hạn	99.2	98.1	1.1%
Tiền và tương đương tiền	31.3	37.1	-15.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	22.6	24.7	-8.4%
Hàng tồn kho	43.4	35.5	22.2%
Tài sản ngắn hạn khác	1.93	0.82	135%
Tài sản dài hạn	84.4	83.3	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	79.2	80.2	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.20	3.13	66.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51.0	47.2	8.1%
Nợ ngắn hạn	50.5	46.7	8.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.0	27.9	-14.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.40	5.95	41.2%
Nợ dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	132	134	-1.3%
Vốn chủ sở hữu	132	134	-1.3%
Vốn điều lệ	81.5	81.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

